

Số: **218** /KH-UBND

Đắk Nông, ngày **04** tháng 4 năm 2025

KẾ HOẠCH

**Thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025**

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 2021-2025.

Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06/9/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Quyết định số 4944/QĐ-BYT ngày 27/11/2014 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn quốc gia về phòng, chống thiếu vi chất dinh dưỡng.

Công văn số 3598/BYT-BM-TE ngày 29/4/2021 của Bộ Y tế về hướng dẫn xây dựng và triển khai Chương trình chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời.

Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 21/11/2023 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Kế hoạch số 383/KH-UBND ngày 20/6/2023 của UBND tỉnh về thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và Kế hoạch

số 100/KH-UBND ngày 20/02/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KẾ HOẠCH NĂM 2024

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024

a) Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ (chiều thiếu hụt về y tế)

- 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế.

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi tại các huyện nghèo, trong đó: Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo 30,7%; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em từ 5-<16 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo 25,72%.

b) Kết quả thực hiện chỉ tiêu so với mục tiêu, nhiệm vụ

- Mục tiêu cụ thể 1: Hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Tuy Đức và Đắk Glong:

+ Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo đạt 30,7%, giảm 2,58% so với năm 2023 (33,7%), khả năng thực hiện đến năm 2025 $\leq 29,7\%$, dự kiến đạt so với mục tiêu giai đoạn 5 năm $< 34\%$.

+ Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo đạt 4,16%, giảm 0,44% so với năm 2023 (4,6%), khả năng thực hiện đến năm 2025 $\leq 3,7\%$, dự kiến đạt so với mục tiêu giai đoạn 5 năm $< 5\%$.

+ Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em trên 5-16 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo đạt 25,72%, giảm 2,98% so với năm 2023 (28,7%), khả năng thực hiện đến năm 2025 $\leq 24,7\%$, dự kiến đạt so với mục tiêu giai đoạn 5 năm $< 34\%$.

- Mục tiêu cụ thể 2: Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh; trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú sinh sống trên địa bàn huyện nghèo:

+ Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng được bổ sung vi chất dinh dưỡng đạt $\geq 80\%$, bao phủ 90% (theo số lượng sản phẩm mua), dự kiến đạt so với mục tiêu giai đoạn 5 năm $> 80\%$.

+ Tỷ lệ phụ nữ mang thai được cung cấp miễn phí viên đa vi chất đạt 70,2%, tăng 0,9 % so với năm 2023 (61,15%), dự kiến đạt so với mục tiêu giai đoạn 5 năm $> 80\%$.

- Mục tiêu cụ thể 3: Bảo đảm ứng phó về phòng, chống suy dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp cho hộ gia đình trên địa bàn huyện nghèo:

+ Tỷ lệ trẻ em 6 - 23 tháng ăn bổ sung đúng, đủ đạt 56,58%, tăng 3,7% so với năm 2023 (52,8), dự kiến đạt so với mục tiêu giai đoạn 5 năm $> 50\%$.

+ Tỷ lệ hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp (nếu có xảy ra): Không có thiên tai, dịch bệnh xảy ra.

c) Hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, kiểm tra giám sát đánh giá

- Lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo và chuyên viên các phòng chức năng, các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tham gia nhóm Zalo do các cơ quan chủ quản thành lập và thành lập “Nhóm 03 Chương trình mục tiêu quốc gia 2021 - 2025” của ngành Y tế để nắm bắt kịp thời trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và các thông tin liên quan do đầu mối Sở Y tế cung cấp.

- Chỉ đạo website ngành Y tế biên tập, viết và đăng tin, bài về các chủ trương, chính sách và các hoạt động chuyên môn liên quan đến 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên Website của ngành Y tế. Đồng thời, tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền về dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, hồ sơ sức khỏe điện tử, vệ sinh môi trường,... với nhiều hình thức đa dạng như: Nói chuyện chuyên đề, đăng tin, bài trên Fanpage, phóng sự, chuyên mục phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình Đắk Nông, băng rôn, pa nô, áp phích, tờ rơi.

- Hằng năm, tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá theo định kỳ vào giữa năm và cuối năm theo quy định của Chương trình; đồng thời, hướng dẫn các đơn vị xây dựng, phê duyệt kế hoạch và tự tổ chức giám sát, đánh giá theo quy định, đến nay đã tổ chức kiểm tra, giám sát 08/08 đơn vị, địa phương¹.

- Theo dõi, đánh giá tiến độ triển khai để đôn đốc và kịp thời phát hiện các khó khăn vướng mắc, đề xuất các biện pháp giải quyết, tháo gỡ.

- Phối hợp với các Sở, ngành là cơ quan quản lý chương trình thực hiện cử cán bộ tham gia đoàn giám sát tại địa bàn huyện Đắk R'Lấp, Cư Jút, Krông Nô và các địa bàn khác trong thời gian tiếp theo khi có đề nghị.

d) Công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử: Thực hiện báo cáo đúng, đủ công tác giám sát của HĐND tỉnh và cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình.

2. Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn

Năm 2024, tại Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024, ngành Y tế được giao với tổng mức vốn và cơ cấu nguồn vốn bố trí thực hiện nội dung Tiểu dự án 2 “Cải thiện dinh dưỡng” của Dự án 3 và

¹ Kế hoạch số 103/KH-SYT ngày 09/5/2024 về triển khai thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh năm 2024; Thông báo số 74/TB-SYT ngày 01/7/2024 của Sở Y tế về kết quả kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia về lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2024; Kế hoạch số 226/KH-SYT ngày 17/11/2024 của Sở Y tế về giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh năm 2024; Thông báo số 170/TB-SYT ngày 31/12/2024 của Sở Y tế về kết quả giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh năm 2024.

Dự án 7 “Nâng cao năng lực, giám sát và đánh giá chương trình” năm 2024: 8.183 triệu đồng (Trung ương 7.439 triệu đồng, địa phương 744 triệu đồng); kết quả giải ngân đến 31/12/2024 đạt 68%.

3. Đánh giá chung

a) Ưu điểm

- Chính phủ, các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo quyết liệt trong công tác triển khai Chương trình.

- Sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác tham mưu, ban hành kịp thời văn bản, quy định nhằm tháo gỡ các khó khăn vướng mắc về cơ chế, chính sách cũng như công tác chuyên môn trong quá trình triển khai thực hiện.

- Cơ bản các chỉ tiêu dự kiến đạt được so với kế hoạch đề ra.

- Việc triển khai Chương trình đã góp phần nâng cao chất lượng trong công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn.

b) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Công tác quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình tại một số địa phương chưa thực sự quyết liệt; thiếu chủ động trong nghiên cứu các văn bản hướng dẫn của Trung ương và địa phương để triển khai thực hiện.

- Hoạt động mua vi chất dinh dưỡng gặp nhiều khó khăn trong thủ tục mua sắm đầu thầu, do đó công tác giải ngân chưa đạt so với dự kiến kế hoạch đề ra.

4. Bài học kinh nghiệm

- Bám sát chủ trương, các quy định, hướng dẫn của cấp trên để cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ trong triển khai Chương trình.

- Theo dõi, đánh giá tiến độ triển khai để đôn đốc và kịp thời phát hiện các khó khăn, vướng mắc, đề xuất các biện pháp giải quyết, tháo gỡ. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá; phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị; sơ kết, đánh giá thực tiễn, kịp thời rút kinh nghiệm; ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn chung để có sự đồng bộ, thống nhất.

- Huy động, lồng ghép chính sách, tích hợp nguồn lực; phối hợp tổ chức thực hiện các dự án trên cùng địa bàn để tránh trùng lặp giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia. Điều phối và phân bổ nguồn vốn phù hợp với tình hình thực tế theo từng địa phương.

III. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU NĂM 2025

1. Mục tiêu chung

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Tuy Đức và Đắk Glong.

2. Mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu

a) Mục tiêu cụ thể 1: Hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Tuy Đức và Đắk Glong.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo 2% so với năm 2024.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể gầy còm sinh sống trên địa bàn huyện nghèo 0,5-1% so với năm 2024.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em lứa tuổi học đường từ trên 5-<16 tuổi thể thấp còi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo 2% so với năm 2024.

b) Mục tiêu cụ thể 2: Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh; Trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Tuy Đức và Đắk Glong.

- Tối thiểu 80% trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng.

- Tối thiểu 80% phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Tuy Đức và Đắk Glong được cung cấp miễn phí viên đa vi chất từ khi phát hiện mang thai đến 01 tháng sau sinh.

c) Mục tiêu cụ thể 3: Bảo đảm ứng phó về phòng, chống suy dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp cho hộ gia đình trên địa bàn huyện nghèo Tuy Đức và Đắk Glong.

- Tăng tỷ lệ trẻ em 6-23 tháng tuổi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Tuy Đức và Đắk Glong ăn bổ sung đúng, đủ tối thiểu 7-10% so với năm 2024.

- Tối thiểu tỷ lệ hộ gia đình được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp trên địa bàn huyện nghèo Tuy Đức và Đắk Glong đạt 80% (nếu có).

3. Phạm vi, đối tượng

a) Phạm vi thực hiện: Thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh, trọng tâm là các huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025.

b) Đối tượng hỗ trợ trực tiếp: Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh; trẻ em dưới 16 tuổi sinh sống trên địa bàn huyện nghèo (Tuy Đức và Đắk Glong); phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện nghèo (Tuy Đức và Đắk Glong).

c) Đối tượng áp dụng hướng dẫn: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện và thụ hưởng từ việc thực hiện các hoạt động cải thiện dinh dưỡng.

d) Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng, chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; Can thiệp, phòng, chống thiếu vi chất dinh dưỡng; Bảo vệ chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường từ 5 đến 16 tuổi.

4. Nguyên tắc, điều kiện, phương thức hỗ trợ

a) Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ

- Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ thực hiện theo quy định hiện hành của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Trường hợp đối tượng, nội dung hỗ trợ trùng lặp với chương trình, dự án khác có nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước thì chỉ lựa chọn thực hiện theo 01 chương trình, dự án; trong đó ưu tiên lựa chọn thực hiện theo chương trình, dự án có định mức hỗ trợ cao hơn.

b) Phương thức hỗ trợ

- Hỗ trợ trực tiếp tiếp cận đối tượng phụ nữ mang thai và cho con bú, trẻ em dưới 05 tuổi tiếp cận với các can thiệp phòng, chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng (cung cấp dịch vụ tư vấn dinh dưỡng, vi chất dinh dưỡng, sản phẩm dinh dưỡng, quản lý suy dinh dưỡng cấp tính tại cộng đồng).

- Hỗ trợ can thiệp trực tiếp trẻ em từ 05 đến dưới 16 tuổi cải thiện bữa ăn học đường, theo dõi tình trạng dinh dưỡng định kỳ và tư vấn dinh dưỡng, hỗ trợ dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng, giáo dục cho trẻ về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng.

- Hỗ trợ nâng cao nhận thức và hành vi của các đối tượng thông qua việc tăng cường công tác thông tin, truyền thông, tư vấn về chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và cho con bú, trẻ em dưới 16 tuổi và người chăm sóc.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực cho cán bộ y tế cơ sở, nhân viên y tế thôn bản; tăng cường nguồn lực và phối hợp liên ngành về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng và theo dõi, giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả hoạt động của Chương trình.

5. Các nội dung hoạt động chính

a) Tiểu dự án 2, dự án 3 - Cải thiện dinh dưỡng

1.1) Hoạt động can thiệp phòng, chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em từ 0 đến 16 tuổi

- Cung cấp các dịch vụ tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ từ lúc mang thai cho đến khi trẻ được 02 tuổi: Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 3598/BYT-BM-TE ngày 29/4/2021 của Bộ Y tế về hướng dẫn xây dựng và triển khai Chương trình chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời của Bộ Y tế và tài liệu

hướng dẫn tư vấn dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời của Viện Dinh dưỡng và các văn bản hiện hành.

- Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho các nhóm đối tượng: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh chủ trì, phối hợp với các huyện, thành phố rà soát lại hiện trạng, nguồn cung ứng và nguồn hỗ trợ khác nếu có, xây dựng kế hoạch và thực hiện theo các quy định hiện hành về mua sắm, cấp phát và quản lý các sản phẩm vi chất dinh dưỡng của các nhóm đối tượng theo hướng dẫn tại Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06/9/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025:

+ Bổ sung vitamin A cho trẻ em từ 06 tháng đến 59 tháng tuổi.

+ Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em từ 06 tháng đến 59 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi: Theo điều kiện địa phương có thể bổ sung các vi chất khác và tuân thủ theo các quy định hiện hành, liều bổ sung không vượt quá nhu cầu khuyến nghị của vi chất dinh dưỡng đó cho cùng đối tượng.

+ Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em từ 05 tuổi đến dưới 16 tuổi bị suy dinh dưỡng: Căn cứ vào tình hình thực tế để lựa chọn theo mức độ ưu tiên là bổ sung các vi chất dinh dưỡng (hàng ngày) hoặc vi chất sắt (hàng tuần). Ngoài ra, có thể bổ sung các vi chất dinh dưỡng khác tùy theo điều kiện địa phương và tuân thủ theo các quy định hiện hành, liều bổ sung không vượt quá nhu cầu khuyến nghị của vi chất đó cho cùng đối tượng.

+ Bổ sung vi chất sắt cho trẻ em gái vị thành niên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi có kinh nguyệt: Theo điều kiện địa phương có thể bổ sung các vi chất dinh dưỡng khác và tuân thủ theo các quy định hiện hành, liều bổ sung không vượt quá nhu cầu khuyến nghị của vi chất đó cho cùng đối tượng.

+ Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai: Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương để lựa chọn theo mức độ ưu tiên là bổ sung các vi chất dinh dưỡng (hàng ngày) hoặc vi chất sắt/folic (hàng ngày). Ngoài ra, có thể bổ sung các vi chất dinh dưỡng khác tùy theo điều kiện địa phương và tuân thủ theo các quy định hiện hành, liều bổ sung không vượt quá nhu cầu khuyến nghị của vi chất đó cho cùng đối tượng.

- Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng:

+ Đối tượng: Trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi được chẩn đoán suy dinh dưỡng cấp tính nặng.

+ Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 4487/QĐ-BYT ngày 18/8/2016 của Bộ Y tế ban hành hướng dẫn chẩn đoán về điều trị bệnh suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi và Quyết định số 3779/QĐ-BYT ngày 26/8/2019 của Bộ Y tế về ban hành hướng dẫn thực hiện quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi. Bao gồm các hoạt động: Tổ chức khám sàng lọc để phát hiện trẻ; quản lý và điều trị trẻ bị suy dinh dưỡng cấp tính

nặng tại cộng đồng; tổ chức mua, quản lý cấp phát và sử dụng các sản phẩm dinh dưỡng; tư vấn hướng dẫn dinh dưỡng cho bà mẹ, người chăm sóc và thăm hộ gia đình.

- Tẩy giun định kỳ cho trẻ em dưới 06 tuổi và phụ nữ tuổi sinh đẻ chuẩn bị mang thai:

+ Số lượng cấp phát: Trẻ em từ 02 tuổi đến dưới 06 tuổi, phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ tẩy giun 2 lần/năm.

+ Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 6437/QĐ-BYT ngày 25/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành hướng dẫn tẩy giun đường ruột tại cộng đồng.

- Lập kế hoạch và dự trữ nguồn sản phẩm dinh dưỡng cho việc ứng phó với ảnh hưởng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh đối với việc chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em:

+ Số lượng sản phẩm dinh dưỡng: Theo nhu cầu thực tế của địa phương.

+ Thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật chuẩn bị và ứng phó về dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp và các hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế. Hằng năm, địa phương cần xây dựng kế hoạch ứng phó về dinh dưỡng với tình huống khẩn cấp hoặc lồng ghép trong kế hoạch ứng phó về thiên tai thảm họa của tỉnh.

+ Có kế hoạch sử dụng các trang thiết bị, vật tư, thuốc, sản phẩm dinh dưỡng nếu không có tình huống khẩn cấp xảy ra một cách phù hợp, hiệu quả, tránh lãng phí.

- Tăng cường chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú; tăng cường nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp như thảo luận nhóm, hướng dẫn trình diễn thức ăn cho trẻ em; đối tượng là phụ nữ có thai và bà mẹ, người chăm sóc trẻ dưới 02 tuổi tại Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

- Tổ chức thực hiện bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và giáo dục dinh dưỡng cho học sinh:

+ Thực hiện theo các hướng dẫn chuyên môn hiện hành của ngành Y tế và ngành Giáo dục.

+ Phối hợp với ngành Giáo dục tập huấn cho các cán bộ triển khai dự án về tổ chức bữa ăn học đường, các kiến thức và kỹ năng giáo dục dinh dưỡng học đường, đẩy mạnh chất lượng giáo dục dinh dưỡng chính khóa và các hình thức ngoại khóa phù hợp với điều kiện địa phương. Cán bộ y tế có vai trò tham gia hướng dẫn chuyên môn và giám sát hoạt động cho các trường học triển khai bữa ăn bán trú và công tác giáo dục dinh dưỡng trong trường học, phối hợp với giáo dục dinh dưỡng tại gia đình. Triển khai các mô hình tạo nguồn thực phẩm tại chỗ ở địa phương thông qua kết hợp với các dự án thành phần khác của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Tư vấn dinh dưỡng về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực; phòng, chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng tại trường học:

+ Thực hiện theo các hướng dẫn hiện hành của ngành Y tế và Giáo dục.

+ Phối hợp với ngành Giáo dục lập kế hoạch và tập huấn cho cán bộ triển khai dự án về dinh dưỡng và hoạt động thể lực hợp lý, các kiến thức và kỹ năng cần thiết để triển khai hoạt động. Ngành Y tế tham gia với vai trò hướng dẫn chuyên môn và giám sát hoạt động. Các cơ sở giáo dục tổ chức các hình thức tư vấn phù hợp, lồng ghép với chăm sóc y tế học đường. Tạo điều kiện cơ sở vật chất để học sinh có thể thực hành dinh dưỡng và thể lực hợp lý.

- Hướng dẫn, tổ chức khảo sát, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng hằng năm và định kỳ theo kế hoạch của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em dưới 16 tuổi và phụ nữ mang thai trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (tùy theo thực tế, có thể bao gồm: Cân đo nhân trắc, xét nghiệm máu, phỏng vấn khẩu phần, chế độ ăn, thói quen tiêu thụ thực phẩm, phỏng vấn thông tin nhân khẩu học, tiền sử nuôi dưỡng, tiền sử bệnh tật, phỏng vấn về thực hành dinh dưỡng và các yếu tố nguy cơ; đối tượng phỏng vấn bao gồm cả đối tượng thụ hưởng Chương trình và các đối tượng có tham gia Chương trình hoặc ảnh hưởng đến đối tượng thụ hưởng).

- Cung cấp trang thiết bị đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cho cơ sở y tế tỉnh, huyện, xã, thôn, buôn, bản và trường học, cung cấp các dụng cụ thực hành dinh dưỡng, vật tư y tế, tài liệu truyền thông, tài liệu chuyên môn để triển khai các hoạt động theo dõi, giám sát tình trạng dinh dưỡng và can thiệp tại cộng đồng. Địa phương rà soát lại hiện trạng và thực hiện theo các quy định hiện hành về mua sắm, cấp phát và quản lý.

- Tổ chức hướng dẫn, nói chuyện chuyên đề, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế các tuyến, nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên dinh dưỡng, y tế trường học, giáo viên, cán bộ làm công tác dinh dưỡng ở trường học và liên ngành khác về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em:

+ Hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ dinh dưỡng tuyến tỉnh, huyện, xã và thôn, buôn, bản về công tác triển khai và các kỹ thuật chuyên môn.

+ Phối hợp với ngành Giáo dục hướng dẫn, tập huấn cho y tế trường học và giáo viên trường học tuyến tỉnh, huyện, xã để hỗ trợ triển khai hoạt động về dinh dưỡng tại trường học.

+ Tổ chức hội nghị, hội thảo, hướng dẫn, nói chuyện chuyên đề cho cán bộ y tế tuyến tỉnh, huyện xã, nhân viên y tế thôn, buôn, bản, y tế trường học, giáo viên, cán bộ giảm nghèo, cán bộ nông nghiệp, phụ nữ về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng phụ nữ, trẻ em từ 0 đến dưới 16 tuổi.

- Hằng năm, tỉnh dựa trên nhu cầu thực tế đề xuất kế hoạch tập huấn, tổ chức tập huấn theo phương thức giảng viên Trung ương tập huấn cho tỉnh,

huyện, cán bộ tuyến tỉnh tập huấn cho tuyến huyện, xã, thôn, buôn, bản, cán bộ tuyến huyện tập huấn cho tuyến xã, thôn, buôn, bản.

1.2) Hoạt động về truyền thông dinh dưỡng

- Xây dựng, biên tập các nội dung truyền thông hoặc sử dụng các tài liệu truyền thông do Trung ương cấp để truyền thông tại cộng đồng. Nhân bản, phát sóng, phát hành nội dung truyền thông bằng nhiều hình thức và nhiều kênh truyền thông, bao gồm truyền thông đại chúng, loa đài, báo giấy, tờ rơi, pano, áp phích, khẩu hiệu, tháp dinh dưỡng, đoạn băng hình, internet - mạng xã hội, phần mềm công nghệ số.

- Tổ chức các chiến dịch, lễ phát động, các buổi truyền thông trong tuần lễ nuôi con bằng sữa mẹ, tuần lễ dinh dưỡng và phát triển, ngày vi chất dinh dưỡng, ngày tiêm chủng theo điều kiện, kế hoạch của địa phương và dựa trên các công văn hướng dẫn của Bộ Y tế hằng năm.

1.3) Kiểm tra, giám sát, khảo sát, đánh giá thực hiện

- Chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát, khảo sát và đánh giá thực hiện Chương trình theo Thông tư hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Đơn vị tuyến tỉnh, huyện theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động dinh dưỡng tuyến xã, phường và thôn, bản. Thực hiện giám sát theo kế hoạch hằng năm.

- Lập kế hoạch thu thập các thông tin để khảo sát, đánh giá cho các huyện, xã can thiệp, hằng năm có khảo sát, đánh giá lại và khảo sát, đánh giá cuối kỳ.

- Theo dõi và báo cáo các chỉ số giám sát quá trình triển khai hoạt động theo quy định.

- Báo cáo về nguồn vốn được tiếp nhận, huy động các nguồn vốn hợp pháp và sử dụng cho chương trình.

b) Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá

- Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- + Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác giảm nghèo.

- + Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

- Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá chương trình: Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất.

IV. KINH PHÍ

Đến thời điểm hiện tại, Trung ương chưa phân bổ nguồn vốn năm 2025 cho tỉnh đối với nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Do đó, UBND tỉnh sẽ triển khai thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 2, Mục IV Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày

20/02/2025 của UBND tỉnh Đắk Nông về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 khi được phân bổ nguồn vốn.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Đầu mối tổ chức thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

- Trên cơ sở Kế hoạch này, xây dựng Kế hoạch thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững năm 2025; chỉ đạo đơn vị đầu mối (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh) phối hợp, hướng dẫn các đơn vị, địa phương trong việc triển khai nội dung dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình được phân công chủ trì đảm bảo mục tiêu, chỉ tiêu Kế hoạch đề ra.

- Hướng dẫn các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch; hướng dẫn lồng ghép việc thực hiện các hoạt động liên quan trên cùng địa bàn.

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch. Định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Y tế theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ngành liên quan cân đối, bố trí nguồn lực để thực hiện Kế hoạch.

- Hướng dẫn, kiểm tra giám sát việc thực hiện kinh phí đúng mục tiêu, có hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phối hợp với Sở Y tế trong việc tổ chức triển khai nội dung của Kế hoạch; tổng hợp, tham mưu, đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ động xây dựng kế hoạch phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị có liên quan triển khai các hoạt động “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 tại tỉnh (tập huấn cho y tế trường học và giáo viên trường học tuyến tỉnh, huyện, xã để hỗ trợ triển khai hoạt động về dinh dưỡng tại trường học); chỉ đạo các cơ sở giáo dục triển khai các hoạt động tại trường học (bữa ăn học đường, theo dõi đánh giá dinh dưỡng, giáo dục dinh dưỡng, tư vấn và hỗ trợ sản phẩm dinh dưỡng).

5. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Đài Phát thanh và Truyền hình Đắk Nông, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Y tế để nghiên cứu lồng ghép nội dung kế hoạch với các chương trình, dự án khác do cơ quan,

đơn vị chủ trì thực hiện đảm bảo hiệu quả, không chồng chéo. Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm phổ biến các chủ trương, chính sách của Kế hoạch.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Căn cứ Kế hoạch này và tình hình thực tế tại địa phương, chỉ đạo xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn, đảm bảo đúng đối tượng được thụ hưởng, hoạt động không trùng với các nội dung hoạt động của các dự án khác, đạt mục tiêu và hiệu quả, đúng quy định của Chương trình; huy động nguồn lực khác để thực hiện các hoạt động cải thiện dinh dưỡng. Thực hiện kiểm tra, giám sát, khảo sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hoạt động theo định kỳ, đột xuất.

7. Trong quá trình triển khai thực hiện, các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ tại Kế hoạch này thuộc trường hợp sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII thì tiếp tục thực hiện nhiệm vụ được giao tương ứng sau khi được sắp xếp.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nội dung “Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; các Sở, Ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện. 

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành và hội, đoàn thể tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Đài PT và TH Đắk Nông, Báo Đắk Nông;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (S).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tôn Thị Ngọc Hạnh



Phụ lục

CHỈ TIÊU HÀNG NĂM THỰC HIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ

(Kèm theo Kế hoạch số **218** /KH-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1	Giảm % suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi	30,7%	$\leq 29,7\%$
2	Giảm % suy dinh dưỡng thể gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi	4,16%	$< 5\%$
3	Giảm % suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em lứa tuổi học đường từ 5 đến dưới 16 tuổi	25,72%	$\leq 24,7$
4	Tăng % trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng được bổ sung đa vi chất dinh dưỡng.	90%	$\geq 80\%$
5	Tăng % phụ nữ mang thai được cung cấp miễn phí viên đa vi chất	70,2%	$\geq 80\%$
6	Tăng % trẻ em 6-23 tháng ăn bổ sung đúng, đủ	56,58%	Tăng 7-10% so với 2024
7	% hộ gia đình nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp.	Đạt độ bao phủ tối thiểu 80% (chưa xảy ra)	$\geq 80\%$